

PHÂN TÍCH CÂU HỎI CÓ TỪ ĐỂ HỎI VỀ ĐỊA ĐIỂM TRONG TIẾNG ĐỨC VÀ TIẾNG VIỆT XÉT TRÊN BÌNH DIỆN CẤU TRÚC

Lê Thị Bích Thủy*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 14 tháng 11 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 12 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2020

Tóm tắt: Bài viết này muốn chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của các câu hỏi có từ để hỏi về địa điểm trong tiếng Đức và tiếng Việt xét từ góc độ cấu trúc hình thức. Để làm được điều đó, nghiên cứu khảo sát các tác phẩm văn học viết bằng tiếng Đức và tiếng Việt cũng như một số dịch phẩm rồi tổng hợp câu hỏi có từ để hỏi về địa điểm, sau đó phân tích cấu trúc để từ đó đưa ra các khuôn hỏi. Theo kết quả nghiên cứu, khuôn hỏi trong tiếng Đức chỉ quy về một dạng điển hình với dạng thức đầy đủ là **DTNV + DT + C (+ B)?** và dạng tinh lược là **DTNV?** Trong khi đó, các khuôn hỏi trong tiếng Việt phong phú hơn rất nhiều. Điều đó là do hai ngôn ngữ thuộc hai loại hình ngôn ngữ khác nhau: một bên là ngôn ngữ biến đổi hình thái (tiếng Đức) và một bên là ngôn ngữ đơn lập mà trật tự từ đóng vai trò rất quan trọng (tiếng Việt).

Từ khóa: câu hỏi, từ để hỏi, khuôn hỏi, tiếng Đức, tiếng Việt

1. Dẫn nhập

Cho tới nay, đề tài nghiên cứu về câu hỏi không còn xa lạ với giới nghiên cứu ngôn ngữ. Trong tình hình nghiên cứu ở Việt Nam, không chỉ có các tài liệu viết về vấn đề câu hỏi trong tiếng Việt mà còn có khá nhiều đề tài so sánh-đối chiếu câu hỏi tiếng Việt với các ngôn ngữ khác, đặc biệt là tiếng Anh và tiếng Pháp. Tuy nhiên, trong số đó vẫn chưa có nhiều nghiên cứu so sánh-đối chiếu câu hỏi tiếng Việt và tiếng Đức. Bài viết này muốn giới thiệu một khía cạnh rất nhỏ trong so sánh-đối chiếu câu hỏi trong tiếng Đức và tiếng Việt nhìn từ bình diện cấu trúc để làm phong phú thêm địa hạt nghiên cứu này, giúp người Việt học tiếng Đức dễ dàng hơn cũng như giúp người Đức học tiếng Việt nhanh chóng hơn. Cụ thể, bài viết muốn chỉ ra sự giống nhau và khác nhau

của câu hỏi có từ để hỏi về địa điểm trong cặp ngôn ngữ trên nhìn từ khía cạnh cấu trúc. Phần đầu của bài viết sẽ trình bày về khái niệm và các loại câu hỏi theo quan điểm của các nhà Đức ngữ học và Việt ngữ học. Ở phần tiếp theo, dựa trên dữ liệu là các tác phẩm văn học (hai bản tiếng Đức, bốn bản tiếng Việt) cũng như bốn dịch phẩm bằng tiếng Việt, nghiên cứu khảo sát, phân tích câu hỏi và cuối cùng là tổng hợp những điểm tương đồng và khác biệt của câu hỏi loại này ở hai thứ tiếng. Phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này là định tính, dùng thao tác phân tích cấu trúc của câu để từ đó khái quát thành các khuôn hỏi trong cả hai ngôn ngữ.

2. Câu hỏi và các loại câu hỏi trong tiếng Đức và tiếng Việt

2.1. Khái niệm câu hỏi

Genzmer (1995: 56) khẳng định một câu hỏi bao giờ cũng đi liền với câu trả lời. Trong một tình huống hội thoại, khi thiếu thông tin

* ĐT: 84-918483878

Email: lethibichthuy78@gmail.com

và muốn lấp đầy khoảng trống đó, người nghe sẽ đặt câu hỏi cho người đối diện. Nếu người này đưa ra câu trả lời, có nghĩa là anh ta đã lấp lỗ hổng đó. Cùng có quan điểm trên là Helbig và Buscha (2001: 615). Hai ông cho rằng câu hỏi được người nói diễn đạt khi không có đủ thông tin về một sự việc và cần người đối thoại cung cấp cho mình thông tin này. Câu hỏi cũng chính là lời yêu cầu theo một cách đặc biệt. Không chỉ đề cập tới việc người nói thông qua câu hỏi để nêu/miêu tả một “lỗ hổng thông tin” đặc biệt (câu hỏi xác định/câu hỏi có từ để hỏi), Hentschel và Weydt (2013: 376) còn chú ý tới việc người nói nêu/miêu tả điều không chắc chắn liên quan tới việc xác định một nội dung (câu hỏi không có từ để hỏi).

Giới Việt ngữ cũng có những quan điểm khá giống với các nhà nghiên cứu trên của Đức mặc dù cách diễn đạt có thể hơi khác. Hoàng Trọng Phiến (2008: 344-360) nói tới sự có mặt của “cái không rõ” và ý định của người hỏi mong muốn người nghe trả lời về “cái không rõ”. Trong khi đó, Diệp Quang Ban (2011: 119) cho rằng người nói muốn thông qua câu hỏi nêu lên thông tin mà mình chưa biết hoặc còn hoài nghi và mong người nghe đưa ra câu trả lời hoặc một sự giải thích.

2.2. Cách phân loại câu hỏi theo quan điểm của các nhà Đức ngữ học

Đa số các tác giả phân biệt câu hỏi dựa trên góc độ ngữ pháp, cụ thể là hình thái cấu trúc. Họ chú ý tới vị trí của động từ trong câu, tới từ để hỏi hay không có từ để hỏi. Theo đó, hai loại câu hỏi được nhắc tới nhiều nhất là *câu hỏi có từ để hỏi* và *câu hỏi không có từ để hỏi* (Hentschel và Weydt, 2013; Eisenberg, 2013; Habermann và cộng sự, 2009; Boetcher, 2009; Engel, 2009; Kürschner, 2008; Duden, 2006; Weinrich, 2005; Helbig và Buscha, 2001; Zifonun và cộng sự, 1997; Wöllstein-Leisten và cộng sự, 1997; Genzmer, 1995; Conrad, 1978).

Loại câu hỏi đầu tiên, còn được gọi là *câu hỏi xác định/ câu hỏi bộ phận* hay *câu hỏi bổ sung thông tin*, thường bắt đầu với một từ để hỏi hoặc một diễn đạt hỏi bao gồm nhiều thành phần, hỏi về một phần của câu (ví dụ: *Wer hat das Haus gekauft?* → Ai đã mua ngôi nhà đó?).

Câu hỏi không có từ để hỏi còn được gọi là *câu hỏi CÓ-KHÔNG* hay *câu hỏi tổng quát*, đánh dấu nội dung câu là không chắc chắn. Hình thức ngữ pháp điển hình là động từ đứng ở đầu câu (ví dụ: *Kommst du morgen?* → Ngày mai anh có đến không?), nhưng cũng có ngoại lệ là câu có cấu trúc của một câu trần thuật, động từ chia theo ngôi đứng ở vị trí thứ hai, tính nghi vẫn thể hiện qua ngữ điệu, khi đó ta có câu hỏi ngữ điệu (ví dụ: *Anna hat ein Haus gekauft? - Ja/ Nein* → Anna đã mua một ngôi nhà? - Ừ/ Không).

Bên cạnh *câu hỏi không có từ để hỏi* còn có *câu hỏi lựa chọn* (Hentschel và Weydt, 2013; Habermann và cộng sự, 2009; Boetcher, 2009; Engel, 2009; Kürschner, 2008; Weinrich, 2005; Helbig và Buscha 2001; Zifonun và cộng sự, 1997; Genzmer, 1995; Conrad, 1978), thể hiện sự kết hợp giữa hai câu hỏi không có từ để hỏi (ví dụ: *Willst du Honig oder Mamelade?* → Em muốn dùng mật ong hay là mút?). Khi trả lời, người đối thoại sẽ phải chọn một trong các khả năng được đưa ra. Một loại đặc biệt của câu hỏi dạng này là *câu hỏi láy lại*. Nó gắn cách hỏi: *nicht wahr, nicht, woll, gell, na, wa*, v.v. vào phía sau câu trần thuật và là một câu hỏi ở dạng rút gọn có chức năng của một câu hỏi lại, câu hỏi xác tín: *Sie ist so schön, (ist es) nicht (so)/ (ist es) nicht wahr?* (Cô ấy thật đẹp, chẳng phải vậy sao/ chẳng phải thật thế hay sao?).

Ngoài cách phân loại câu hỏi theo cấu trúc ngữ pháp, các nhà nghiên cứu cũng rất quan tâm chức năng của câu hỏi, hay xem xét các hành động ngôn ngữ khác được tạo ra

dưới hình thức câu hỏi. Theo đó, có câu hỏi mà người nghe muốn kiểm tra xem mình đã hiểu thông tin nhận được đúng hay chưa (Engel, 2009; Zifonun và cộng sự, 1997), hỏi vặn lại (Engel, 2009), câu hỏi kiểm tra, câu hỏi ngờ vực/ câu hỏi tự vấn (Zifonun và cộng sự, 1997), câu hỏi xác nhận thông tin (Zifonun và cộng sự, 1997; Helbig và Buscha, 2001; Weinrich, 2005), câu hỏi lặp¹ (Duden, 2006; Wöllstein-Leinstein và cộng sự, 1997; Meibauer, 1987) và câu hỏi tu từ (Hentschel và Weydt, 2013; Zifonun và cộng sự, 1997; Genzmer, 1995).

Cho rằng câu hỏi thường được định nghĩa trong sự so sánh đối chiếu với lời khẳng định, trong đó nó ở dạng trung lập giữa hai cực “khẳng định” và “phủ định”, Confais (1995: 1-5) đã đưa ra một bảng so sánh giữa điều khẳng định và điều được hỏi. Theo đó, có các loại câu hỏi sau:

1. Câu hỏi thông báo: Người nói muốn nhận được từ người nghe một thông báo (ví dụ: *Ist Peter krank?* → Peter bị ốm à?)

2. Câu hỏi thể hiện sự ngạc nhiên (ví dụ: *Bist du noch nicht angezogen?/ Du bist noch nicht angezogen?* → Con còn chưa mặc quần áo hay sao?)

3. Câu hỏi kêu gọi (chủ yếu là câu hỏi yêu cầu) (ví dụ: *Gehst du jetzt ins Bett?* → Bây giờ con đi ngủ chứ?)

Thực ra, trong danh sách các câu hỏi trên, chỉ có câu hỏi thông báo là thực sự có ngôn ngữ trung tâm là hỏi, còn những loại câu hỏi khác đều liên quan tới một hành động nói gián tiếp, nghĩa là, thông qua hình thức câu hỏi, người nói muốn truyền đi một ý định khác.

Bên cạnh các nghiên cứu về loại câu hỏi tiếng Đức, ta có thể thấy một số nghiên cứu

hẹp hoặc theo hướng khác về câu hỏi. Có thể kể đến Meibauer, Rost-Rothe, Lötscher, v.v. Trong khi Meibauer có một nghiên cứu rất dày dặn về “câu hỏi tu từ” (1986), về hình thức và chức năng của câu hỏi lặp (1987), Rost-Rothe (2003) nghiên cứu về câu hỏi hỏi lại và câu hỏi lặp trong tiếng Đức giao tiếp, Lötscher (1995) tập trung vào câu hỏi trần thuật, Bresson (1995) tìm hiểu quan hệ giữa ngữ điệu và hành động hỏi, Hindelang (1995) tập trung nghiên cứu hành động hỏi trong quan hệ với câu trả lời và gọi đó là cặp Hỏi - Trả lời, thi Marillier (1995) nghiên cứu câu hỏi theo tính hàm chân trị.

Giữa cấu trúc hình thức câu và thức của câu có mối quan hệ qua lại chặt chẽ. Boettcher (2009: 48-51) cho rằng có thể thực hiện các loại hành động hỏi sau đây với dạng thức câu hỏi:

- 1) Hỏi để biết (thường được gọi là câu hỏi chính danh);
- 2) Hỏi để kiểm tra kiến thức;
- 3) Hỏi mang tính gợi mở;
- 4) Hỏi tu từ;
- 5) Hỏi lặp;
- 6) Trách cứ;
- 7) Yêu cầu có tính trách cứ;
- 8) Yêu cầu gián tiếp;

9) Câu hỏi có thể được thực hiện thông qua một câu trần thuật/ một câu có động từ chia theo ngôi đứng ở cuối hay các diễn đạt có tính hỏi.

2.3. Cách phân loại câu hỏi theo quan điểm của các nhà Việt ngữ học

Trong ngữ pháp truyền thống, câu thường được phân loại theo mục đích phát ngôn. Có khá nhiều nhà Việt ngữ học đã phân loại câu hỏi theo hướng này. Cho rằng câu hỏi phân biệt với câu kể và câu cầu khiến ở phương diện biểu hiện các cấu trúc cú pháp, Hoàng Trọng Phiến (2008: 344-360) xác định “cái không rõ” chính là yếu tố quyết định tới việc

1 Ở câu hỏi lặp (echo question), các yếu tố xuất hiện dưới hình thức lặp lại phát ngôn có liên quan (Rost-Rothe 2003). Ví dụ: *Anna hat ein Haus gekauft.* - *Anna hat [was] gekauft?* → Anna đã mua một ngôi nhà. - Anna đã mua [cái gì]?

tổ chức cú pháp của câu hỏi và việc xuất hiện nội dung ngữ nghĩa của câu hỏi là nhờ sự có mặt của “cái không rõ” và ý định của người hỏi mong muốn người nghe trả lời về “cái không rõ”. Dựa vào tính chất của câu hỏi cũng như câu trả lời, tác giả phân câu hỏi thành hai loại lớn là: 1) Hỏi trống (hỏi đơn giản): thường dùng các từ chuyên dùng để hỏi như: *cái gì, ai, ...*; 2) Hỏi có dự kiến chọn lựa để trả lời: loại này lại bao gồm hai tiểu loại là lựa chọn xác định mang tính chất khẳng định hay phủ định (thường có các từ: *hay, hay là*) và lựa chọn không xác định (chỉ chọn một trong nhiều khả năng để trả lời). Hoàng Trọng Phiến cũng nhắc tới “câu hỏi tu từ”, song không đi sâu vào loại này. Bên cạnh đó, ông còn giới thiệu câu có cấu trúc câu hỏi phụ thuộc (ví dụ: *Tôi không biết nó muốn gì?*).

Cũng phân loại câu theo mục đích giao tiếp, Nguyễn Thiện Giáp (2004) nêu ba loại câu hỏi sau đây: 1) Câu hỏi tổng quát: việc hỏi về sự tồn tại của cả một sự việc, được đặc trưng hóa bởi các dấu hiệu ngôn hành như *à, ư, hả, v.v.* đặt ở cuối câu (ví dụ: *Anh chưa đi à?*), hoặc đưa cả câu vào khuôn hỏi: “có ... không” (ví dụ: *Có phải cậu làm hỏng xe không?*); 2) Câu hỏi bộ phận: việc hỏi hướng vào một bộ phận, một chi tiết trong sự việc. Câu hỏi loại này có dấu hiệu ngôn hành là: *ai, cái gì, ở đâu, v.v.* (ví dụ: *Ai làm nó ngã?*), hoặc đặt chi tiết cần hỏi vào khuôn hỏi “có (phải)... không” (như: *Cậu có phải đi làm vào chủ nhật không?*); 3) Câu hỏi lựa chọn: nêu ra hai hoặc một số khả năng để lựa chọn, dấu hiệu ngôn hành là “hay” và ngữ điệu (ví dụ: *Em thích hoa hồng hay hoa cúc?*).

Dựa vào việc sử dụng các phương tiện hỏi khác nhau, Diệp Quang Ban (2008: 213-225) chia câu hỏi thành bốn loại là: 1) Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn (còn gọi là câu hỏi rõ trọng điểm) (đại từ nghi vấn như: *ai, thế nào, bao giờ, v.v.* dùng để hỏi vào những điểm xác định trong câu); 2) Câu hỏi dùng phó từ (như: *có ... không, xong ... chưa*); 3) Câu hỏi dùng quan

hệ từ lựa chọn “hay” (câu hỏi lựa chọn); 4) Câu hỏi dùng tiểu từ chuyên dụng (còn gọi là câu hỏi không rõ trọng điểm, với các tiểu từ như: *à, ư, hử, hả, v.v.*).

Khác với các tác giả trên, Cao Xuân Hạo (2005: 392) phân loại câu hỏi dựa trên quan điểm của ngữ pháp chức năng. Ông cho rằng câu hỏi của tiếng Việt có giá trị hỏi là giá trị ngôn trung trực tiếp hoặc giá trị ngôn trung phái sinh. Câu hỏi có giá trị ngôn trung trực tiếp là *câu hỏi chính danh*. Loại câu hỏi này được Cao Xuân Hạo (2007: 497-505) chia thành bốn tiểu loại là *câu hỏi có-không* (còn gọi là câu hỏi tổng quát) (ví dụ: *Lan có đến không?*), *câu hỏi chuyên biệt* (dùng đại từ nghi vấn) (ví dụ: *Ai sẽ lái xe?*), *câu hỏi lựa chọn* (câu hỏi song tuyền) (ví dụ: *Anh đi xe đạp hay đi xe máy*) và *câu hỏi dùng tiểu tố tình thái* (như: *à, ư, nhỉ, nhé*) (ví dụ: *Cậu không tin tớ à?*).

Câu hỏi có giá trị ngôn trung phái sinh (như phủ định, khẳng định, tỏ ý ngờ vực, thách thức, tranh luận, v.v.) được Lê Quang Thiêm (2004: 222) gọi là *câu hỏi phi chính danh*. Nhiều khi, chính giá trị ngôn trung phái sinh này mới là mục đích duy nhất của phát ngôn. Loại câu hỏi này theo Cao Xuân Hạo (2005) bao gồm:

1. *Câu hỏi có giá trị cầu khiến*: hình thức là câu hỏi nhưng đích ngôn trung lại là một lời yêu cầu (ví dụ: *Anh chờ tôi một lát được không?* hàm ý là: *Tôi đề nghị anh chờ tôi một lát*);
2. *Câu hỏi có giá trị khẳng định*: hình thức là câu hỏi nhưng đích ngôn trung lại là lời khẳng định (ví dụ: *Chính cậu làm hỏng xe chứ ai?* hàm ý: *Cậu làm hỏng xe*);
3. *Câu hỏi có giá trị phủ định*: hình thức là câu hỏi, nhưng đích ngôn trung là lời phủ định (ví dụ: *Thế này thì ai mà ăn được?* hàm ý là: *Thế này thì không ai ăn được*);
4. *Câu hỏi có giá trị phỏng đoán, ngờ vực* (ví dụ: *Phải chăng nó không tới?* hàm ý: *Tôi đoán là nó không tới*);

5. *Câu hỏi có giá trị cảm thán*: có hình thức hỏi, có các từ để hỏi như “làm sao”, “chưa”, v.v. để biểu thị sắc thái cảm xúc (ví dụ: *Nó hát mới hay làm sao?*).

Như vậy, khi nghiên cứu về câu hỏi, các nhà nghiên cứu người Đức và người Việt thường phân loại câu hỏi theo phương diện biểu hiện của hình thức cấu trúc. Theo hướng này, câu hỏi được chia thành ba loại cơ bản là: *câu hỏi có từ để hỏi*, *câu hỏi không có từ để hỏi* và *câu hỏi lựa chọn*. Các nhà nghiên cứu của cả hai ngôn ngữ đều chú ý tới yếu tố đại từ nghi vấn khi phân loại câu hỏi vì yếu tố này đều tồn tại ở tiếng Đức và tiếng Việt. Tuy nhiên, các nhà Đức ngữ học rất quan tâm tới vị trí của động từ chia theo ngôi trong câu hỏi, còn các nhà Việt ngữ học thì không. Trong tiếng Việt, cái được quan tâm nhiều là các tiểu từ, các phó từ dùng để hỏi. Lý do là câu hỏi tiếng Việt không làm xáo trộn trật tự từ, kể cả câu hỏi có từ để hỏi, tức là không có sự dịch chuyển, còn tiếng Đức lại có dịch chuyển, đảo vị, thay đổi trật tự từ. Ngoài cách phân loại trên, một số tác giả ở cả hai ngôn ngữ đi theo hướng chức năng và nghiên cứu câu hỏi theo cách nhìn nhận giá trị ngôn ngữ trung trực tiếp hoặc phái sinh của phát ngôn, theo đó có *câu hỏi chính danh* và *câu hỏi phi chính danh*.

3. Câu hỏi có từ để hỏi về địa điểm trong tiếng Đức và tiếng Việt

Trong tiếng Đức, khi muốn biết thông tin về vị trí, địa điểm và về hướng, người nói đặt câu hỏi bổ sung thông tin bằng cách dùng đại từ nghi vấn (Fragewort, viết tắt là FW) **wo** (ở đâu), **wohin** (tới đâu) và **woher** (từ đâu), còn tiếng Việt dùng các đại từ nghi vấn như **đâu**, **ở đâu**, **chỗ nào**, v.v.

3.1. Hỏi về địa điểm

Trong tiếng Đức, khi đặt câu hỏi với từ để hỏi **wo**, người nói muốn biết vị trí của người, sự vật, hiện tượng nào đó. Từ để hỏi (FW) luôn đứng ở đầu câu hỏi, liền sau đó là động

từ (V) chia theo ngôi của chủ ngữ, và ở vị trí thứ ba là chủ ngữ (S). Nếu V là nội động từ thì khuôn hỏi thường là **FW + V + S?** (tương ứng trong tiếng Việt là **ĐTNV + ĐT + C?**), còn nếu V là ngoại động từ thì khuôn hỏi là **FW + V + S + O?** (**ĐTNV + ĐT + C + B?**).

Ví dụ:

[1] *Wo wohnen Sie?* (Remarque, 1989: 83) (Anh [sống] ở đâu?) (Lê Phát, 2001: 120)

[2] *Wo waren die Engel?* (Remarque, 1989: 95) (Các thiên thần đâu rồi?) (Lê Phát, 2001: 137)

[3] *Wo kann ich das erfahren?* (Remarque, 1989: 92) (Có thể hỏi thăm tin tức ở đâu nhỉ?) (Lê Phát, 2001: 133)

Ở ví dụ [1], **wo** là từ để hỏi (ĐTNV), **wohnt** là nội động từ (ĐT), còn **Sie** là chủ ngữ (C), còn ở ví dụ [3], **erfahren** là ngoại động từ (ĐT)¹, **ich** là chủ ngữ (C), **das** là bổ ngữ (B).

Tuy nhiên, cũng có khi khuôn hỏi chỉ bao gồm từ để hỏi **wo?** (ĐTNV?) vì các yếu tố khác đã bị tình lược.

Ví dụ:

[4] *Dies ist nicht achtzehn. Meine Eltern sind drüben. - Wo?* (Remarque, 1989: 94) (Nhà số 18 ở đằng kia, bố mẹ tôi bị chôn dưới đó, mau lên. - Đâu?) (Lê Phát 2001: 135)

Khi muốn hỏi về địa điểm, người Việt dùng đại từ nghi vấn như (ở) **đâu** và cấu trúc thường là chủ ngữ (C) đứng đầu, sau đó là nội động từ (ĐT) rồi đến đại từ nghi vấn (ĐTNV): **C + ĐT + ĐTNV?**

Ví dụ:

[5] *Đêm nay cháu định ngủ ở đâu?* (Lê Lựu, 2001: 164)

[6] *Nhà em ở đâu?* (Lê Lựu, 2001: 48)

Nhưng cũng có khi động từ trong câu bị lược bớt nếu như động từ đó là “thì, là, ở”. Theo đó, khuôn hỏi chỉ còn lại chủ ngữ và từ

¹ *kann* là động từ tình thái.

đề hỏi như **đâu**: C + ĐTNV?

Ví dụ:

[7] *Con đâu?* (Lê Lựu, 2001: 156)

[8] *Thế giờ bác ta đâu?* (Thạch Lam, 2004: 57)

[9] *Hùng ơi, Hương ơi, các con đâu cả rồi?* (Hồ Anh Thái, 2015: 67)

Nếu chủ ngữ cũng đã rõ ràng, thì khuôn hỏi chỉ còn lại từ để hỏi: ĐTNV?

Ví dụ:

[10] *Gia đình mình ở xa lắm. - Ở đâu hả Tân?* (Hồ Anh Thái, 2015: 70)

Nhưng nếu câu hỏi có một ngoại động từ (ĐT), câu sẽ thêm bổ ngữ (B) và vì vậy khuôn hỏi sẽ là: C + ĐT + B + ĐTNV?

Ví dụ:

[11] *Mày tìm ra ngựa ở đâu vậy?* (Ngọc Anh & Phạm Bích Liễu, 2006: 373)

Cũng có khi bổ ngữ được đặt ở đầu câu để nhấn mạnh. Khi đó khuôn hỏi sẽ là: B + C + ĐT + ĐTNV?

Trong ví dụ [12], vì chủ ngữ đã rõ ràng nên người nói có thể lược bớt thành phần này, còn ở ví dụ [13], cả yếu tố chủ ngữ và bổ ngữ đều bị tỉnh lược. Khi đó, khuôn hỏi lần lượt là: B + ĐT + ĐTNV? và ĐT + ĐTNV?

[12] *Anh công an tuy không phải là người quen cũ nhưng nói năng với hấn như hai người đã hiểu rất tường tận công việc của nhau.*

- *Tiền để ở đâu rồi?*

- *Vẫn ở trong người này. Sao anh biết em lấy.*

(Lê Lựu 2001: 218)

[13] - *Hôm qua mày lấy tiền của bà bán cá khô phải không?*

- *Vâng.*

- *Bao nhiêu?*

- *Bảy trăm năm mươi đồng.*

- *Để đâu rồi?*

(Lê Lựu, 2001: 211)

Trong trường hợp hỏi về một hiện tượng, sự việc, tiếng Đức phải dùng đến chủ ngữ hình thức “es”, thì khuôn hỏi là “FW + V + S + A/O?” (ĐTNV + ĐT + C + TT/B?). Đi sau chủ ngữ “es” có thể là một tính từ (TT) hoặc một bổ ngữ (B). Tuy nhiên, trong khối liệu khảo sát chỉ xuất hiện trường hợp ĐTNV + ĐT + C + TT?

Ví dụ:

[14] *Wo war es kühler und trockener?* (Hagena, 2010: 250)

Đối với trường hợp tương tự ở tiếng Việt, khuôn hỏi sẽ là: ĐTNV + ĐT + TT/B? Trong ví dụ [15], động từ đã được tỉnh lược nên khuôn hỏi chỉ còn lại là ĐTNV + TT?

[15] *Ở đâu mát và khô hơn?* (Lê Quang, 2016: 241)

3.2. Hỏi về hướng chuyển động

Để hỏi về hướng chuyển động, tiếng Đức dùng đại từ nghi vấn **wohin** và **woher**. Khi muốn hỏi về hướng xuất phát từ người nói hoặc người được hỏi tới chỗ khác, tiếng Đức sử dụng **wohin**, còn khi muốn hỏi về hướng xuất phát từ nơi khác tới chỗ người nói, tiếng Đức dùng **woher**.

Cũng giống như câu hỏi với **wo**, khuôn hỏi với **wohin** và **woher** là: FW + V + S? (ĐTNV + ĐT + C?) và FW + V + S + O? (ĐTNV + ĐT + C + B?)

[16] *Wohin stellen wir die Vase?* (Fandrych & Tallowitz, 2000: 60) (Chúng ta nên đặt lọ hoa vào chỗ nào đây?)

Trong ví dụ trên, **wohin** là từ để hỏi, *stellen* là động từ chia theo chủ ngữ *wir* và *die Vase* là bổ ngữ.

Cũng có khi từ để hỏi đứng một mình (ĐTNV?) vì các thành phần khác đã bị tỉnh lược.

Ví dụ:

[17] *Raus aus dieser Rattenfalle! - Idiot! Wohin denn? Ruhe! [...]* (Remarque, 1989: 52) (Chuồn ngay khỏi cái bẫy)

chuột này thôi. - Đồ ngốc! Mà còn muốn đi đâu nữa. Câm đi. [...] (Lê Phát, 2001: 75)

Một đặc điểm của các câu hỏi có từ để hỏi **woher** và **wohin** là: Động từ trong câu là các nội động từ chỉ sự thay đổi vị trí từ chỗ này đến chỗ khác, ví dụ như: *gehen (đi)*, *kommen (đến)*, *fliegen (bay)*, v.v., hoặc các ngoại động từ chỉ sự tác động lên một đối tượng nào đó (người hoặc vật) và làm thay đổi vị trí của đối tượng đó, ví dụ: *legen (đặt nằm)*, *stellen (đặt đứng)*, *hängen (treo lên)*, v.v. (dẫn theo Fandrych & Tallowitz, 2000: 60-62)

Ví dụ:

[18] **Woher** kommt es? (Remarque, 1989: 161) (Tiếng đàn ở đâu ra thế?) (Lê Phát, 2001: 234)

[19] **Wohin** fährst du jetzt? (Remarque, 1989: 76) (Thế cậu định đi đâu?) (Lê Phát, 2001: 110)

[20] **Wohin** wollen Sie statt dessen? (Remarque, 1989: 76) (Anh muốn đi đâu?) (Lê Phát, 2001: 109)

Tuy nhiên, nếu động từ trong câu có tiền tố là *hin* (chỉ hướng xuất phát từ phía người nói hoặc người được hỏi tới nơi khác) hoặc *her* (chỉ hướng từ nơi khác tới phía người nói) (ví dụ: *herkommen*, *hingehen*, v.v.) thì **woher** và **wohin** được thay bằng **wo**. Tuy nhiên, nội dung các câu đó vẫn hỏi về hướng đi chuyển.

Ví dụ:

[21] **Wo** mag der **herkommen**? (Remarque, 1989: 46) (Chó ở đâu đến thế?) (Lê Phát, 2001: 67)

[22] *Er stand auf. "Wo* willst du *hin?" fragte Böttcher. "Ich weiß nicht. - Irgendwohin."* (Remarque, 1989: 121) (Anh đứng dậy. - Cậu đi đâu? Bốt-sê hỏi. - Tôi không biết nữa. Đi đâu cũng được.) (Lê Phát, 2001: 175)

Tương ứng với cấu trúc của câu hỏi **woher**

trong tiếng Đức, tiếng Việt có các khuôn hỏi sau đây:

Nếu câu hỏi có động từ chỉ sự chuyển động như “đến”, “tới”, v.v. thì khuôn hỏi sẽ là **C + ĐTNV + ĐT?**

Ví dụ:

[23] *Nó ở đâu đến đấy?* (Lê Lựu, 2001: 157)

[24] *Người ở làng này hay từ đâu đến?* (Lê Lựu, 2001: 59-60)

[25] *Cháu tên là gì, cháu từ đâu tới đây?* (Hồ Anh Thái, 2015: 26)

Tuy nhiên khuôn hỏi trên có thể có biến thể khác: **C + ĐT + ĐTNV?**

[26] *Tôi vừa chợt nhớ ra một chuyện: trò hện hò và nhận dạng của chúng ra đi đến đâu rồi nhỉ?* (Lê Quang, 2010: 49)

[27] *Chuyện sẽ dẫn đến đâu?* (Lê Quang, 2010: 83)

Khi câu có ngoại động từ và người nói muốn nhấn mạnh thông tin mới (đề) có chức năng là bổ ngữ, khuôn hỏi sẽ có sự thay đổi như sau: **B + C + ĐT + ĐTNV?** Bổ ngữ là yếu tố đứng đầu câu, sau đó là chủ ngữ, tiếp theo là động từ, rồi tới từ để hỏi như “(ở) đâu”. Trong nhiều trường hợp, chủ ngữ hoặc vị ngữ có thể được lược bớt vì nhờ ngữ cảnh, người nghe có thể hiểu được câu tình lược đó. Các tiểu từ như *vậy*, *thế*, *há*, v.v. là yếu tố không bắt buộc trong câu. Ta có thể thêm chúng vào để tạo nghĩa tình thái cho câu.

Ví dụ:

[28] *Tiền lấy ở đâu ra?* (Lê Lựu, 2001: 208)

[29] *Táo đâu ra thế?* (Lê Quang, 2016: 241)

[30] *Tiền đâu thế?* (Thạch Lam, 2004: 154)

Khi muốn nhấn mạnh yếu tố cần hỏi, đại từ nghi vấn sẽ được đặt ở đầu câu, khi đó có khuôn hỏi: **ĐTNV + ĐT + C?**

Ví dụ:

[31] *Nhưng từ đâu sinh ra sự tự mãn hãnh*

tiền mà tôi hay chứng kiến ở họ? (Lê Quang, 2016: 143)

Cũng tương tự như tiếng Đức, trong các câu hỏi về hướng xuất phát từ người nói hoặc người đối thoại đến một nơi khác, người Việt cũng thường dùng các từ chỉ sự chuyển động như “đi”, v.v. Khuôn hỏi đối với trường hợp này là: **C + ĐT + ĐTNV?** (Ví dụ [32] - [33]) hay **C + ĐT + B + ĐTNV?** (Ví dụ [34]).

[32] *Bây giờ em định đi đâu?* (Lê Lựu, 2001: 162)

[33] *Từ đêm hôm ấy đến giờ, bạn biến đi đâu vậy?* (Hồ Anh Thái, 2015: 70)

[34] *Chúng nó bắt đưa em đi đâu rồi?* (Bảo Ninh, 2011: 44)

Cũng có khi khuôn hỏi được rút gọn thành: **ĐT + ĐTNV?** nếu như chủ ngữ đã rõ ràng nhờ ngữ cảnh.

Ví dụ:

[35] *Mặt mũi tái nhợt, Tân lao vào chộp lấy tay bà, hối hả kéo bà chạy ra hành lang. - Ở kia, đi đâu thế này? Để bà xem nòi chè ra sao ...* (Hồ Anh Thái, 2015: 7)

[36] *Trong cảnh thiếu nhà ở, người ta thường hóa liễu, kêu ca thì vẫn kêu ca, nhưng chẳng gia đình nào chuyển đi, mà biết chuyển đi đâu?* (Hồ Anh Thái, 2015: 16)

[37] - *Nếu mọi người không đồng ý, em có dám bỏ đi với anh không?*

- *Đi đâu hả anh?*

- *Đi bất kể đâu. Em có dám không?* (Lê Lựu, 2001: 64)

3.3. Hỏi về nguồn gốc, xuất xứ

Trong tiếng Đức cũng có trường hợp trong câu không xuất hiện các động từ chuyển động (như *fahren, gehen*) hay các ngoại động từ (như *legen, stellen*) như đã nêu ở trên, nhưng

woher vẫn được dùng vì người nói muốn hỏi về nguồn gốc, xuất xứ. Khi đó, khuôn hỏi vẫn là: **FW + V + S + O? (ĐTNV + ĐT + C + B?)** hoặc dạng rút gọn **FW + V + S? (ĐTNV + ĐT + C?)** và **FW? (ĐTNV?)**.

Ví dụ:

[38] *Woher hast du das? - Aus dem Weinkeller.* (Remarque, 1989: 203) (Anh lấy của này ở đâu vậy? - Trong hầm rượu. (Lê Phát, 2001: 294))

[39] *Woher wissen Sie, dass sie tot sind?* (Remarque, 1989: 107) (Sao bác biết bố mẹ cháu đã chết? (Lê Phát, 2001: 155))

[40] *Panzer haben sie auch genug. Woher bloß? - Von Amerika. Oder aus Sibirien. Da sollen sie ja einen Haufen Fabriken haben.* (Remarque, 1989: 61)

(Lại xe tăng nữa. Không biết cơ man nào mà kể. - Từ bên Mỹ hay ở Xiberi. Hình như chúng có nhiều xí nghiệp ở đấy lắm.) (Lê Phát, 2001: 88)

Tương tự như tiếng Đức, tiếng Việt cũng dùng đại từ để hỏi như **đâu** để hỏi về nguồn gốc, xuất xứ. Khi đó có khuôn hỏi là: **ĐTNV + ĐT + C?** và **C + ĐT + ĐTNV + B?**

Ví dụ:

[41] *anh có ác cảm nặng với thư tập thể chúc Giáng Sinh! Ở đâu ra cái ác cảm đó vậy?* (Lê Quang, 2010: 19)

[42] *Chị lấy đâu ra thời gian rảnh rỗi để bận bịu với loài gấu Bắc Cực xa lạ?* (Lê, Quang 2010 : 41-42)

[43] *Anh đọc ở đâu ra ý đấy?* (Lê Quang, 2010 : 85)

4. Sự tương đồng và khác biệt của câu hỏi có từ hỏi về địa điểm Đức-Việt

Sau đây là bảng tổng hợp các khuôn hỏi trong tiếng Đức và tiếng Việt:

Bảng 1. Các khuôn hỏi trong tiếng Đức và tiếng Việt

	Tiếng Đức	Tiếng Việt
Hỏi về địa điểm	ĐT NV?	
	ĐT NV + ĐT + C + TT/B? ĐT NV + ĐT + C? ĐT NV + ĐT + C + B?	ĐT NV + ĐT + TT/B? ĐT NV + TT? C + ĐT + ĐT NV? C + ĐT NV? C + ĐT + B + ĐT NV? B + C + ĐT + ĐT NV? B + ĐT + ĐT NV?
Hỏi về hướng chuyển động	ĐT NV + ĐT + C?	
	ĐT NV + ĐT + C + B? ĐT NV?	ĐT + ĐT NV? C + ĐT NV + ĐT? C + ĐT + ĐT NV? C + ĐT + B + ĐT NV? B + C + ĐT + ĐT NV? B + ĐT + ĐT NV? B + ĐT NV?
Hỏi về nguồn gốc, xuất xứ	ĐT NV + ĐT + C?	
	ĐT NV + ĐT + C + B? ĐT NV?	C + ĐT + ĐT NV + B?

Để cấu tạo câu hỏi về địa điểm, nơi chốn, tiếng Đức dùng ba đại từ nghi vấn là *wo*, *wohin* và *woher*, trong đó *wo* dùng để hỏi về một địa điểm mà người hoặc vật đang hiện hữu, tồn tại, còn *wohin* và *woher* dùng để hỏi về hướng chuyển động, hướng đó có thể xuất phát từ phía người nói hoặc người đối thoại để đi tới chỗ khác (*wohin*) hoặc xuất phát từ địa điểm nào đó tới chỗ người nói (*woher*). Đối với trường hợp *wohin* và *woher*, người hỏi có thể tách chúng ra và đặt *wo* ở đầu câu và *her* hoặc *hin* để ở cuối câu. Tiếng Việt không có hiện tượng tách đại từ nghi vấn như vậy. Trong tiếng Việt, từ để hỏi phong phú hơn. Có thể kể đến: *đâu*, *nơi nào*, *chỗ nào*, *nơi đâu*, v.v. Việc dùng từ hỏi nào trong số các từ trên tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp.

Khi hỏi về địa điểm, hướng chuyển động hay về nguồn gốc xuất xứ, cả hai ngôn ngữ đều có những khuôn hỏi giống nhau. Theo ngữ liệu khảo sát, ở trường hợp hỏi về địa điểm, cả tiếng Đức và tiếng Việt đều có chung

khuôn hỏi ở dạng tình lược là **ĐT NV?**; ở hai trường hợp còn lại đều có khuôn hỏi chung là **ĐT NV + ĐT + C?**.

Ở cả ba trường hợp, trong tiếng Đức luôn luôn có sự xuất hiện của khuôn hỏi **ĐT NV + ĐT + C?** (xem ví dụ [1] ở trên), **ĐT NV + ĐT + C + B?** (xem ví dụ [3] ở trên) và dạng tình lược là **ĐT NV?** (xem ví dụ [4] ở trên). Chỉ khi hỏi về địa điểm và hỏi về hướng chuyển động, ngôn ngữ này có chung khuôn hỏi là **C + ĐT + B + ĐT NV?** (xem ví dụ [11] và [34] ở trên); trường hợp hỏi về hướng chuyển động và nguồn gốc xuất xứ có chung một khuôn hỏi là **ĐT NV + ĐT + C?** (xem ví dụ [31] và [41] ở trên).

Cả hai ngôn ngữ đều có khuôn hỏi ở dạng tình lược, song tiếng Đức chỉ có duy nhất một dạng tình lược là **ĐT NV?**, trong khi dạng tình lược của khuôn hỏi trong tiếng Việt phong phú hơn. Có thể thấy điều đó trong kết quả được liệt kê dưới đây.

Bên cạnh ba khuôn hỏi chung đã nêu ở trên, tiếng Đức chỉ có thêm một khuôn hỏi nữa vốn được sử dụng khi hỏi về địa điểm là **ĐTNV + ĐT + C + TT?** Ngược lại, trong tiếng Việt, số các khuôn hỏi khác được sử dụng nhiều hơn và đa dạng hơn rất nhiều.

Khi hỏi về địa điểm: Trong khi tiếng Đức có bốn khuôn hỏi thì tiếng Việt có tới tám. Ngoài các khuôn hỏi chung đã được liệt kê ở trên, có thể kể tới các khuôn hỏi có chủ ngữ đứng đầu như **C + ĐTNV?** (xem ví dụ [7]), **C + ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [5]), bỏ ngữ đứng đầu như **B + C + ĐT + ĐTNV?** và dạng rút gọn **B + ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [12]) hay các dạng tỉnh lược khác như **ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [13]) và **ĐTNV + TT?** (xem ví dụ [15]).

Đối với trường hợp hỏi về hướng chuyển động, số lượng khuôn hỏi trong tiếng Việt gấp ba lần số lượng khuôn hỏi trong tiếng Đức. Khuôn hỏi trong tiếng Việt không chỉ bắt đầu bằng ĐTNV như trong tiếng Đức mà còn bắt đầu bằng chủ ngữ như **C + ĐTNV + ĐT?** (xem ví dụ [23]), **C + ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [26]), dạng tỉnh lược **ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [35]); bắt đầu bằng bỏ ngữ như **B + C + ĐT + ĐTNV?** với dạng tỉnh lược **B + ĐT + ĐTNV?** (xem ví dụ [28]) và **B + ĐTNV?** (xem ví dụ [29]).

Chỉ khi hỏi về nguồn gốc xuất xứ, kết quả khảo sát cho thấy số khuôn hỏi trong tiếng Việt (2) ít hơn trong tiếng Đức (3). Bên cạnh **ĐTNV + ĐT + C?** là khuôn hỏi chung trong hai ngôn ngữ thì tiếng Việt còn có **C + ĐT + ĐTNV + B?** (xem ví dụ [42]); tiếng Đức có **ĐTNV + ĐT + C + B?** (xem ví dụ [38]) và dạng tỉnh lược **ĐTNV?** (xem ví dụ [46]).

5. Kết luận

Bài viết này chỉ ra rằng câu hỏi có từ để hỏi về địa điểm trong tiếng Đức và tiếng Việt

có khá nhiều điểm tương đồng nhưng cũng không ít sự khác biệt. Ở cả hai ngôn ngữ, câu hỏi chứa từ hỏi về địa điểm ở dạng đầy đủ đều có các thành phần cơ bản là đại từ nghi vấn, động từ, chủ ngữ. Trong tiếng Đức, khuôn hỏi cố định của câu hỏi loại này luôn là **ĐTNV + ĐT + C?**. Tùy theo động từ hay ngữ cảnh mà khuôn hỏi trên có thể mở rộng thành phần thành **ĐTNV + ĐT + C + B/TT** hay được rút gọn thành **ĐTNV?**. Tiếng Việt cũng có khuôn hỏi tương tự, tuy nhiên, bên cạnh đó còn có rất nhiều khuôn hỏi khác, kể cả ở dạng hoàn chỉnh cũng như dạng tỉnh lược. Trong khi khuôn hỏi ở tiếng Đức luôn bắt đầu bằng từ để hỏi và động từ chia theo ngôi đứng ở vị trí thứ hai, thì ở tiếng Việt, đứng đầu có thể là đại từ nghi vấn, nhưng cũng có thể là chủ ngữ, bỏ ngữ hoặc động từ và theo đó các thành phần câu đứng sau cũng rất linh động.

Bài viết này chỉ là một nghiên cứu rất nhỏ trong so sánh - đối chiếu câu nói chung và câu hỏi nói riêng khi nghiên cứu cặp ngôn ngữ tiếng Đức và tiếng Việt. Chúng tôi mong muốn sẽ có một nghiên cứu so sánh - đối chiếu dày dặn hơn về các loại câu hỏi khác trong hai thứ tiếng nói trên.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Diệp Quang Ban (2008). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Diệp Quang Ban (2011). *Ngữ pháp Tiếng Việt, tập 2*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thiện Giáp (2004). *Dụng học Việt ngữ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Cao Xuân Hạo (2005). *Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Cao Xuân Hạo (2006). *Tiếng Việt. Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Hoàng Trọng Phiên (2008). *Ngữ pháp tiếng Việt. Câu*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Quang Thiêm (2004). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

- Boettcher, W. (2004). *Grammatik verstehen. II – Einfache Satz*. Tübingen: Niemeyer.
- Conrad, R. (1978). *Studien zur Syntax und Semantik von Frage und Antwort*. Berlin: Akademie.
- Duden (2006). *Die Grammatik, Band 4*.
- Eisenberg, P. (2013). *Der Satz. Grundriss der deutschen Grammatik. Band 2*. 3. Auflage. Stuttgart/ Weimar: J. B. Metzler.
- Engel, U. (2009). *Deutsche Grammatik – Neubearbeitung*. München: Iudicium.
- Fandrych, C., & Tallowitz, U. (2000). *Klipp und Klar*. Stuttgart: Ernst Klett International.
- Genzmer, H. (1995). *Deutsche Grammatik*. Frankfurt am Main und Leipzig: Insel.
- Habermann, M., Diewald, G., & Thurmair, M. (2009). *Duden, Fit für das Bachelorstudium. Grundwissen Grammatik*. Mannheim & Zürich: Dudenverlag.
- Helbig, G., & Buscha, J. (2001). *Deutsche Grammatik. Ein Handbuch für den Ausländerunterricht*. Berlin u.a.: Langenscheidt.
- Hentschel, E., & Weydt, H. (2013). *Handbuch der deutschen Grammatik*, 4. Auflage. Berlin u.a.: Walter de Gruyter.
- Hindelang, G. (1995). Frageklassifikation und Dialoganalyse. In Hindelang, G./Rolf, E./ Zillig, W. (Hrsg.) (1995): *Der Gebrauch der Sprache. Festschrift für Franz Hundsnerscher zum 60. Geburtstag*. Lit., Münster, pp. 176-196.
- Lötscher, A. (1995). Aussagesätze, die Fragen (mit) meinen. In Schecker, M. (Hrsg.): *Fragen und Fragesätze im Deutschen*, Stauffenburg, Tübingen, pp. 221-236.
- Marillier, J.-F. (1995). Zum Wahrheitswert der Fragesätze am Beispiel der Koordination von/ mit Fragesätzen. In Schecker, Michael (Hrsg.): *Fragen und Fragesätze im Deutschen*. Tübingen: Stauffenburg, 52-61.
- Meibauer, J. (1987). Zur Form und Funktion von Echofragen. In Rosengren, I. (Hrsg.): *Sprache und Pragmatik. Lunder Symposium 1986*, Almqvist & Wiksell International, Stockholm, pp. 335-355.
- Meibauer, J. (1986). *Rhetorische Fragen*, Max Niemeyer, Tübingen.
- Rost-Rothe, M. (2003). Fragen - Nachfragen - Echofragen Formen und Funktionen von Interrogationen im gesprochenen Deutsch. In *Linguistik online* 13, pp. 325-378.
- Weinrich, H. (2005). *Textgrammatik der deutschen Sprache*. Hildesheim u.a.: Olms.
- Wöllstein-Leisten, A./ Heilmann, A./ Stephan, P./ Vikner, S. (1997). *Deutsche Satzstruktur. Grundlagen der syntaktischen Analyse*. Tübingen: Stauffenburg.
- Zifonun, G./ Hoffmann, L./ Strecker, B. et al. (1997). *Grammatik der deutschen Sprache*. Berlin/ New York: de Gruyter.

Tư liệu khảo sát

- Ngọc Anh & Phạm Bích Liễu (dịch giả) (2006). *Truyện cổ Grimm*. Hải Phòng: Nxb Hải Phòng.
- Hagena, K. (2010). *Der Geschmack von Apfelkernen*. Köln: Kiepenheuer & Witsch.
- Thạch Lam (2004). *Tuyển tập truyện ngắn*. Hà Nội: Nxb Văn học.
- Lê Lưu (2001). *Sóng ở đáy sông*. Hải Phòng: Nxb Hải Phòng.
- Bảo Ninh (2011). *Nỗi buồn chiến tranh*. Hà Nội: Nxb Trẻ.
- Lê Phát (dịch giả) (2001). *Thời gian để sống và thời gian để chết*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- Lê Quang (dịch giả) (2016). *Vị hạt táo*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Lê Quang (dịch giả) (2010). *Cường cơn gió bắc*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Remarque, E. M. (1989). *Zeit zum Leben, Zeit zum Sterben*. Köln: Kiepenheuer und Witsch.
- Hồ Anh Thái (2015). *Trong sương hồng hiện ra*. Hà Nội: Nxb Trẻ.

QUESTIONS WITH QUESTION WORDS ABOUT PLACES IN GERMAN AND VIETNAMESE FROM SYNTACTIC PERSPECTIVE

Le Thi Bich Thuy

*Faculty of German Language and Culture,
VNU University of Languages and International Studies
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: This paper points out the similarities and differences of questions with question words about places in German and Vietnamese seen from syntactical perspective. For this purpose, those questions in literary works written in German and Vietnamese and their translations are analysed to identify their syntactic patterns. The results show there is only one question structure in German: **QW + V + S (+ O)?** (elliptical construction: **QW?**) whereas question structures in Vietnam are far more varied. This is because the two languages belong to two different types of languages: German is an inflectional language while Vietnamese is an isolating one whose word order plays a very important role.

Keywords: question, question word, question structure, German, Vietnamese